

KHUNG CHUẨN TRÌNH ĐỘ QUỐC GIA THÁI LAN BẬC GIÁO DỤC ĐẠI HỌC VÀ NHỮNG ĐỀ XUẤT CHO VIỆT NAM

HOÀNG HỮU TÂN^{□□}

TÓM TẮT: *Việc hội nhập, giao lưu, học tập, trao đổi kinh nghiệm về các lĩnh vực văn hóa, giáo dục, đặc biệt là kinh tế đang diễn ra một cách mạnh mẽ ở trong khu vực và trên thế giới. Muốn quốc gia phát triển, không bị cô lập chắc chắn phải hòa theo dòng chảy chung đó. Vì vậy việc xây dựng và triển khai thực hiện khung chuẩn trình độ để nâng cao chất lượng người học, phát triển con người toàn diện về Đức - Trí - Thể - Mỹ, đào tạo nguồn nhân lực có tri thức đáp ứng những nhu cầu ngày càng khắt khe của xã hội về chất lượng người lao động; tạo cơ hội cho mọi người đều được bình đẳng về cơ hội tiếp cận, học tập suốt đời, học để biết, để làm, để tồn tại, để chung sống nhằm đáp ứng những yêu cầu trong thời kỳ mới là một việc làm hết sức có ý nghĩa và cấp thiết.*

Từ khóa: *khung chuẩn trình độ, trường cao đẳng - đại học.*

ABSTRACT: *The integration, networking, learning, and exchange of experience in culture, education, and especially economy is going strong in the region and worldwide. A country must go with the flow to enable it growth. A qualifications framework must therefore be developed and implemented to improve the quality of learners, meet the increasingly demanding requirements of the society on the quality of workers, and provide access to opportunities of lifelong learning, learning for knowledge, for work, and for survival.*

Key words: *qualifications framework, higher education.*

1. KHUNG CHUẨN TRÌNH ĐỘ CỦA BẬC GIÁO DỤC ĐẠI HỌC Ở THÁI LAN (TQF)

Khung chuẩn trình độ của bậc giáo dục đại học ở Thái Lan (TQF) được xây dựng dựa trên việc nghiên cứu những đặc điểm của giáo dục Thái Lan, những giá trị của dân tộc Thái Lan, nhu cầu của người học - của xã hội, nhu cầu tuyển dụng lao động của các doanh nghiệp và xu thế hội nhập thế giới. TQF đã được Thái Lan áp dụng từ năm 2007, đã hoàn thiện hệ thống và đến nay đã phát huy tốt tác dụng của nó.

1.1. Giới thiệu về TQF

TQF là chữ viết tắt của Thailand Qualifications Framework for Higher Education (TQF: HEd) xuất phát từ National Qualifications Framework (NQF) đây là khung

thể hiện chuẩn trình độ bậc cao đẳng – đại học (CĐ-ĐH) của Thái Lan, gồm các bậc trình độ chuyên môn và có sự liên kết liền nhau từ trình độ chuyên môn thấp đến bậc cao hơn; về việc phân chia các môn học; chuẩn về kết quả học tập của từng bậc học được nâng dần lên bậc cao hơn; số lượng kiến thức phù hợp với lượng thời gian phải thực hiện; đặc điểm của chương trình đối với từng văn bằng; sự liên thông từ bậc học thấp đến bậc học cao hơn; tạo cơ hội chuyển đổi kết quả học tập nhằm khuyến khích việc học tập suốt đời; thiết lập hệ thống và cơ chế nhằm tạo sự tin cậy về hiệu quả thực hiện công việc theo khung chuẩn trình độ bậc CĐ-ĐH quốc gia, có khả năng đào tạo sinh viên có chất

^{□□}Thạc sĩ. Trường Cao đẳng Sư phạm Quảng Trị.

lượng đáp ứng chuẩn kiến thức đã đề ra. (Báo mới: 2016)

1.2. Các nguyên tắc của TQF

1. Là công cụ trong việc giới thiệu chính sách phát triển chất lượng và chuẩn về việc đo lường trong giáo dục theo quy định của Ủy ban Đại học Quốc gia liên quan đến chuẩn bậc CĐ-ĐH và bảo đảm chất lượng giáo dục áp dụng vào các cơ sở giáo dục một cách cụ thể.

2. Chú ý nhấn mạnh kết quả giáo dục cơ bản đạt chuẩn chất lượng nhằm đảm bảo chất lượng cho người học, làm cho các tổ chức và những người liên quan hiểu và tin tưởng vào quá trình đào tạo kiến thức và kỹ năng cho người học.

3. Hướng đến bộ quy chế và các văn bản liên quan đến nội dung chương trình và việc tổ chức dạy học được thực hiện cùng nhau trong một thể thống nhất. Từ đó có thể giải thích một cách rõ ràng về ý nghĩa và việc đạt chuẩn của công tác đào tạo từng bậc học.

4. Là công cụ dùng để thông tin, giao tiếp có hiệu quả trong việc tạo sự hiểu biết, tự tin đối với những người có liên quan như sinh viên, phụ huynh, người quản lý, các đơn vị tổ chức, các doanh nghiệp, cộng đồng xã hội ở trong và ngoài nước liên quan đến đặc điểm cơ bản của người học sau khi hoàn thành chương trình.

5. Hướng đến sự thống nhất về trình độ chuyên môn của các cơ sở giáo dục ở Thái Lan, được chấp nhận và tương đương với nhau trong các trường CĐ-ĐH trong nước và ngoài nước. Tạo cơ hội để các trường CĐ-ĐH có thể xây dựng chương trình và xây dựng quy trình dạy học một cách phong phú và tin tưởng vào chất lượng của sinh viên tốt nghiệp đạt chuẩn về kết quả học tập theo mục tiêu đã đề ra. Có thể áp dụng những kiến thức và kỹ năng đã học vào công việc, nghề nghiệp một cách tự tin và có hiệu quả.

1.3. Mục đích của việc triển khai thực hiện TQF

1. Nhằm đảm bảo chất lượng cơ bản trên các mặt đạo đức, kiến thức và kỹ năng cho từng bậc học, ngành học, từng chuyên ngành và từng văn bằng theo quy định.

2. Nhằm quy định mục tiêu của giáo dục đại học bằng việc quy định chuẩn về kiến thức cho sinh viên tốt nghiệp theo từng ngành học, theo từng trình độ học. Là cơ sở để các trường CĐ-ĐH, các chuyên gia của các ngành học sử dụng và là định hướng trong việc xây dựng kế hoạch, điều chỉnh, đổi mới giáo dục.

3. Nhằm liên kết các bậc học một cách có hệ thống để người học có cơ hội bồi dưỡng, nâng cao kiến thức một cách thường xuyên và phong phú theo tinh thần học tập suốt đời, đồng thời có thể so sánh ngang bằng với chuẩn trình độ trong các bậc học với nước ngoài.

4. Nhằm tạo sự đổi mới trong giáo dục đại học và là cơ chế trong việc đảm bảo chất lượng bên trong của tất cả các trường CĐ-ĐH. Là căn cứ để đánh giá chất lượng giáo dục (đánh giá ngoài) của cơ sở giáo dục.

5. Nhằm tạo thuận lợi cho việc so sánh chuẩn trình độ giữa các trường CĐ-ĐH ở trong và ngoài nước, và tạo thuận lợi cho việc chuyển đổi sinh viên giữa các cơ sở đào tạo ở trong và ngoài nước.

6. Nhằm cho từng bậc học, ngành học có sự kiểm soát, bảo đảm chất lượng việc đào tạo của mình làm cho chất lượng chuyên môn của sinh viên ở các cơ sở giáo dục có cùng chuyên ngành không thấp hơn chuẩn về kết quả học tập mà ngành đó đã quy định.

7. Nhằm giảm bớt các bước, quy trình (Deregulations) trong việc thực hiện công việc của các cơ sở giáo dục có chất lượng và chuẩn bị tốt cho công tác giáo dục đào tạo.

8. Nhằm giúp giảng viên chuẩn bị cho việc giảng dạy một cách có hệ thống và điều chỉnh,

đổi mới việc dạy học một cách thường xuyên.

(Báo mới: 2016)

1.4. Cấu trúc và thành phần của TQF

Cấu trúc của TQF gồm có 5 thành phần, bộ phận liên kết với nhau, bao gồm:

1. Bậc học và trọng tâm về giáo dục: Khung quy định về trình độ, bằng cấp chia làm 6 bậc gồm: Cao đẳng 3 năm; Đại học; Nghiệp vụ Sư phạm; Thạc sỹ; Chuyên môn sâu và Tiến sỹ.

2. Tín chỉ và thời gian: Khung quy định về dung lượng kiến thức và khoảng thời gian cần thiết thành tiêu chuẩn cho chương trình bậc CĐ-ĐH của Bộ GD&ĐT

3. Tên gọi bằng cấp: Khung quy định tên gọi văn bằng phù hợp với chất lượng, kết quả đầu ra của sinh viên theo thông báo của Bộ GD&ĐT hướng dẫn quy định tên bằng cấp.

4. Chuẩn về trình độ của sinh viên: Là chất lượng, kết quả của giáo dục ở 5 mặt, bao gồm: Mặt đạo đức tư cách; kiến thức; kỹ năng trí tuệ; kỹ năng quan hệ giao tiếp và chịu trách nhiệm; kỹ năng phân tích thông tin số liệu.

5. Các yếu tố dẫn đến sự thành công khung quy định, các yêu cầu cụ thể của chương trình, môn học (các thông tin về chương trình và khóa học). Với những quy định về chiến lược giảng dạy, việc đo lường đánh giá kết quả học tập theo mục tiêu và đánh giá chương trình nhằm điều chỉnh và phát triển (Văn phòng Chính phủ, 2016)

1.5. Chuẩn kết quả học tập của sinh viên phải đảm bảo chất lượng về 5 mặt

Chuẩn kết quả học tập của sinh viên là những kết quả học tập về các mặt đạo đức, kiến thức và các kỹ năng. Các kết quả này có thể đo lường được và có tính toàn diện về kiến thức, sự hiểu biết về nội dung môn học. Là kỹ năng hay khả năng ứng dụng kiến thức vào thực tế để hình thành các hành vi, thái độ, niềm tin, thói quen.

1. Mặt đạo đức: Là xây dựng các thói quen về cư xử có đạo đức, luân lý và có sự tự chịu trách nhiệm trước bản thân và cộng đồng. Khả năng điều chỉnh, thích nghi với lối sống có sự khác nhau về quan niệm, giá trị. Xây dựng các thói quen và cách cư xử có đạo đức đối với bản thân và xã hội. Nhấn mạnh các vấn đề sau: 1) Nhận thức rõ những giá trị đạo đức, sự hy sinh, tính trung thực, có đạo đức nghề nghiệp. 2) Có kỷ luật tốt, có sự chịu trách nhiệm trước bản thân và xã hội. 3) Có kỹ năng quản lý điều hành và tuân thủ sự quản lý, có khả năng làm việc theo nhóm, có khả năng giải quyết các mâu thuẫn và biết lựa chọn vấn đề quan trọng.

4) Biết kính trọng, lắng nghe ý kiến của người khác, tôn trọng các giá trị và phẩm giá con người.

2. Mặt kiến thức: Là khả năng hiểu, suy nghĩ và trình bày các nội dung; việc phân tích và phân loại các sự kiện theo nguyên tắc, lý thuyết cũng như nắm được quy trình; có thể tự tìm hiểu, học hỏi các kiến thức khoa học tinh hoa hiện đại của thế giới và dân tộc. Tập trung vào các nội dung chính sau: 1) Có kiến thức và sự hiểu biết về chuyên ngành, nội dung nghiên cứu. 2) Có khả năng phân tích vấn đề, biết áp dụng những kiến thức, kỹ năng đã học để giải quyết vấn đề một cách thích hợp. 3) Có khả năng theo sát tiến trình học tập, có kiến thức rộng về ngành học nhằm có thể đánh giá sự thay đổi và biết được kết quả ảnh hưởng từ công nghệ mới. 4) Có khả năng tích hợp kiến thức đã học với kiến thức của các khoa học liên quan khác.

3. Mặt kỹ năng trí tuệ: là khả năng trong việc phân tích tình hình và vận dụng những kiến thức, kỹ năng, sự hiểu biết trong việc định hướng, áp dụng các nguyên lý, lý thuyết và các quy trình để phân tích và giải quyết các vấn đề khi đối mặt với những tình huống mới chưa từng gặp phải trước đây. Chú ý đến các nội dung cơ bản sau: 1) Có khả năng suy xét một

cách có hệ thống. 2) Có khả năng tìm kiếm, tổng hợp, nghiên cứu, phân tích và kết luận nhằm sử dụng trong việc giải quyết các vấn đề một cách sáng tạo. 3) Có khả năng ứng dụng những kiến thức và kỹ năng đối với việc giải quyết các vấn đề một cách thích hợp.

4. Mặt kỹ năng quan hệ giao tiếp và chịu trách nhiệm: Là khả năng làm việc theo nhóm; có năng lực lãnh đạo, tổ chức; có sự chịu trách nhiệm đối với bản thân và xã hội; khả năng trong việc xây dựng kế hoạch hoạt động và có trách nhiệm trong công tác tự học, tự nghiên cứu để phát triển, hoàn thiện bản thân. Nhấn mạnh các nội dung như: 1) Có mối quan hệ công chúng tốt, có thể giao tiếp được với những người khác bằng việc sử dụng tiếng mẹ đẻ hoặc tiếng Anh một cách hiệu quả. 2) Có khả năng sử dụng những kiến thức khoa học để chỉ dẫn cho cộng đồng một cách phù hợp và là người chủ động trong việc giải quyết các vấn đề của bản thân và cộng đồng. 3) Có ý thức, trách nhiệm trong việc phát triển chuyên môn nghiệp vụ của bản thân một cách thường xuyên.

5. Mặt kỹ năng phân tích số liệu nghĩa là có thể độc lập trong việc tính toán phân tích bằng các con số; khả năng trong việc sử dụng các kỹ thuật tính toán của toán học và thống kê; khả năng về mặt sử dụng ngôn ngữ trong giao tiếp như nói, viết và sử dụng công nghệ thông tin. Gồm các nội dung sau: 1) Có kỹ năng sử dụng các công cụ cần thiết sẵn có vào công việc liên quan đến việc sử dụng công nghệ thông tin một cách thích hợp. 2) Có khả năng sử dụng các thông tin toán học để giải quyết vấn đề hoặc ứng dụng kết quả thống kê vào việc giải quyết các vấn đề một cách sáng tạo.



Hình 1: Mô hình chuẩn kết quả học tập của sinh viên

1.6. Vai trò, nhiệm vụ của các trường cao đẳng - đại học trong việc tổ chức thực hiện theo khung quy chuẩn về trình độ

Các trường CĐ-ĐH có vai trò, nhiệm vụ quan trọng trong việc tiến hành thực hiện theo khung quy chuẩn về trình độ chuyên môn ở bậc học CĐ-ĐH, bao gồm:

1. Triển khai chuẩn trình độ ở các ngành học, các cấp học đủ các thành phần đảm bảo với các yêu cầu của chuẩn trình độ ở bậc học CĐ-ĐH (mẫu TQF 1). Phần này do Vụ Giáo dục Đại học thực hiện.

2. Xây dựng chương trình chi tiết (mẫu TQF 2). Nội dung này do các khoa, ngành hoặc phòng đào tạo thực hiện.

3. Xây dựng chi tiết môn học (mẫu TQF 3) và kinh nghiệm thực tiễn (mẫu TQF 4) do giảng viên phụ trách môn học thực hiện.

4. Trình Hội đồng Giáo dục Đại học phê duyệt chương trình.

5. Báo cáo chương trình cho Ủy ban Giáo dục Đại học.

6. Quản lý chương trình và phân công giảng dạy.

7. Xây dựng báo cáo kết quả thực hiện của môn học (mẫu TQF 5), báo cáo kết quả hoạt động tích lũy kinh nghiệm qua thực tế, thực tập (mẫu TQF 6); các nội dung này do giảng viên phụ trách môn học thực hiện và báo cáo kết quả

thực hiện chương trình (mẫu TQF 7) - do các khoa, ngành hoặc phòng đào tạo thực hiện.

8. Việc đảm bảo chất lượng chương trình và chất lượng việc dạy học.

9. Việc chỉ đạo, xử lý và duy trì chất lượng chương trình đạt chuẩn.

Tất cả những điều trên nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho cơ sở giáo dục và đội ngũ giảng viên trong quá trình đào tạo nhân lực có chất lượng, đáp ứng tốt các yêu cầu của xã hội. Ủy ban Giáo dục Đại học thiết kế mẫu từ TQF 1 đến TQF 7 để người thực hiện dựa trên mẫu đó điền thông tin chi tiết cho phù hợp. (Anucha Somabut và Wisapart Chaichuoi: 2014)

TQF 1: Chuẩn trình độ của ngành học

Chuẩn trình độ bậc học, ngành học là khung chuẩn kết quả học tập của sinh viên ở mỗi một ngành học, quy định đặc điểm chính của sinh viên tốt nghiệp ở ngành học đó, khẳng định chương trình đào tạo đạt được kết quả chuẩn như đã đặt ra. Đảm bảo chất lượng tương xứng với ngành học của các cơ sở đào tạo khác.

Chuẩn trình độ gồm các nhóm nội dung sau:

- 1) Tên ngành học; 2) Tên chương trình đào tạo;
- 3) Đặc điểm của ngành học; 4) Đặc điểm chính của sinh viên tốt nghiệp; 5) Chuẩn của kết quả học tập (trên 5 mặt); 6) Các tổ chức nghề nghiệp liên quan (nếu có); 7) Cấu trúc chương trình (các môn chung, các môn bắt buộc; các môn chuyên ngành; môn tự chọn; các môn thực hành); 8) Nội dung chính của ngành học (số lượng tín chỉ; nội dung, mục đích cơ bản của các nhóm môn học); 9) Phương pháp giảng dạy và việc đánh giá kết quả học tập cho từng ngành học; 10) Việc thẩm tra chuẩn kết quả học tập; 11) Trình độ của người học và việc chuyển đổi kết quả học tập; 12) Giảng viên và người hỗ trợ (các yêu cầu về giảng viên và trợ giảng) cho từng ngành học; 13) Nguồn lực cho giảng dạy và quản lý (trang thiết bị, CSVC...); 14) Định hướng việc phát triển giảng viên; 15) Việc đảm bảo chất lượng

chương trình và quản lý việc dạy học; 16) Áp dụng chuẩn trình độ của ngành học vào thực hiện trong chương trình khóa học; 17) Công bố chương trình có chất lượng và đạt chuẩn theo khung chuẩn trình độ.

TQF 2: Chương trình chi tiết

Là giới thiệu chung của việc xây dựng chương trình, tổ chức giảng dạy để đạt được kết quả học tập mà chương trình đó mong đợi. Giải thích cho sinh viên biết rằng bản thân phải học những môn học nào, biết được phương pháp giảng dạy - học, hiểu được phương pháp kiểm tra đánh giá kết quả. Giúp sinh viên lựa chọn chương trình học phù hợp với khả năng và nhu cầu của bản thân. Là cơ sở để các nhà tuyển dụng xem xét để tuyển dụng lao động.

Tất cả các chương trình chi tiết đều thiết kế thành 8 nội dung, gồm: 1) Thông tin chung (mã ngành học; tên ngành học; các môn học chính; số lượng tín chỉ; mô hình của chương trình; phê duyệt chương trình; khả năng hành nghề sau khi tốt nghiệp; thông tin về giảng viên; mối quan hệ với chương trình, ngành học khác); 2) Thông tin riêng của chương trình (tầm quan trọng, mục đích của chương trình; kế hoạch điều chỉnh, phát triển chương trình); 3) Hệ thống quản lý giáo dục, tiến trình thực hiện và cấu trúc chương trình; 4) Kết quả học tập, phương pháp giảng dạy và việc đánh giá kết quả; 5) Các tiêu chí trong đánh giá kết quả đầu ra của sinh viên; 6) Việc phát triển giảng viên; 7) Việc đảm bảo chất lượng chương trình; 8) Đánh giá và điều chỉnh việc thực hiện chương trình.

TQF 3: Chi tiết môn học

Thông tin liên quan đến định hướng việc quản lý của các môn học nhằm tổ chức hoạt động dạy học phù hợp và có tính khả thi theo kế hoạch chương trình đã đề ra. Từ đó mỗi môn học sẽ quy định cụ thể về mục đích và các nội dung kiến thức, bồi dưỡng các kỹ năng cho sinh viên theo mục tiêu của môn học. Quy định

cụ thể về thời gian học của môn học, phương pháp dạy học, tài liệu liên quan đến môn học và việc kiểm tra đánh giá kết quả học tập.

Chi tiết môn học được chia làm 7 nội dung như sau: 1) Thông tin chung (mã số môn học; số lượng tín chỉ; chương trình và loại môn học; giảng viên giảng dạy; năm học, kỳ học; môn học tiên quyết; môn học song hành; địa điểm học tập; thời gian điều chỉnh mới nhất); 2) Mục đích của môn học (Mục tiêu của môn học; mục đích trong việc phát triển, điều chỉnh môn học);

3) Đặc điểm và việc tiến hành các hoạt động (Lời giải thích cho môn học; phân bố thời gian học tập); 4) Việc phát triển hoạt động học tập của sinh viên (đạo đức hành vi, kiến thức, kỹ năng cần đạt được; phương pháp giảng dạy; phương pháp kiểm tra đánh giá kết quả học tập); 5) Kế hoạch giảng dạy và đánh giá kết quả (kế hoạch giảng dạy; kế hoạch, phương pháp đánh giá kết quả học tập); 6) Tài liệu, trang thiết bị phục vụ cho việc dạy học (sách, tập bài giảng chính; tài liệu, địa chỉ quan trọng liên quan; tài liệu tham khảo); 7) Đánh giá và điều chỉnh việc thực hiện môn học (phương pháp đánh giá việc giảng dạy; điều chỉnh phương pháp giảng dạy; việc kiểm tra đánh giá kết quả học tập của sinh viên; kế hoạch thực hiện việc điều chỉnh chất lượng môn học).

TQF 4: Chi tiết kinh nghiệm thực địa (nếu có)

Thông tin liên quan đến định hướng việc quản lý của các môn học hoặc các hoạt động mà sinh viên sẽ phải đi nghiên cứu thực tế, từ đó cần phải xây dựng kế hoạch phù hợp và thực hiện đúng với chương trình quy định cụ thể về mục đích, cũng như các hoạt động đã đề ra. Các kiến thức, kinh nghiệm có được sau khi đi thực tế. Có sự quy định các bước bồi dưỡng kỹ năng cho sinh viên và việc kiểm tra, đánh giá việc thực hiện theo kế hoạch.

Chi tiết kinh nghiệm thực địa bao gồm các nội dung sau: 1) Thông tin chung; 2) Mục đích của môn học; 3) Việc phát triển kết quả học tập

của sinh viên (kiến thức, kỹ năng cần đạt được; phương pháp giảng dạy; phương pháp kiểm tra đánh giá kết quả học tập); 4) Đặc điểm và việc tiến hành các hoạt động; 5) Kế hoạch hoạt động và sự chuẩn bị; 6) Đánh giá sinh viên; 7) Đánh giá và điều chỉnh việc thực hiện công việc.

TQF 5: Báo cáo kết quả thực hiện môn học

Báo cáo kết quả thực hiện việc tổ chức dạy học của giảng viên bộ môn ở cuối mỗi kỳ học. Bao gồm các nội dung như: tổ chức dạy học một cách toàn diện và đúng theo kế hoạch giảng dạy đã đề ra hay không, nếu không thực hiện đúng kế hoạch thì vì nguyên nhân nào và đề xuất các biện pháp điều chỉnh, khắc phục cho kỳ học tiếp theo. Báo cáo cần nêu đầy đủ về tình hình và kết quả học tập của sinh viên, những vấn đề về việc quản lý và tạo điều kiện cho việc thực hiện. Phân tích kết quả đánh giá môn học của sinh viên và những người đánh giá. Khảo sát ý kiến của sinh viên, đề xuất ý kiến cho người làm chương trình nhằm điều chỉnh và phát triển việc thực hiện môn học.

Bao gồm 6 nội dung sau: 1) Thông tin chung (mã số môn học, điều kiện tiên quyết, giảng viên giảng dạy, năm học, kỳ học, môn học tiên quyết, môn học song hành, địa điểm học tập, thời gian điều chỉnh mới nhất); 2) Tổ chức việc dạy học (báo cáo về thời gian tiến hành giảng dạy thực so sánh với kế hoạch, nội dung thực hiện còn thiếu so với kế hoạch, hiệu quả của việc sử dụng phương pháp giảng dạy trên 5 mặt, ý kiến đề xuất nhằm điều chỉnh phương pháp giảng dạy); 3) Thống kê kết quả việc tổ chức dạy học của môn học (số lượng sinh viên, kết quả điểm của sinh viên, sự sai lệch giữa kế hoạch và kết quả thực hiện); 4) Những vấn đề ảnh hưởng đến việc thực hiện môn học (vấn đề về thiết bị phục vụ dạy học, vấn đề về công tác quản lý, CSVC); 5) Đánh giá môn học (đánh giá của sinh viên, đánh giá bằng phương pháp khác); 6) Kế hoạch điều chỉnh cho môn học (kết quả của việc đổi mới

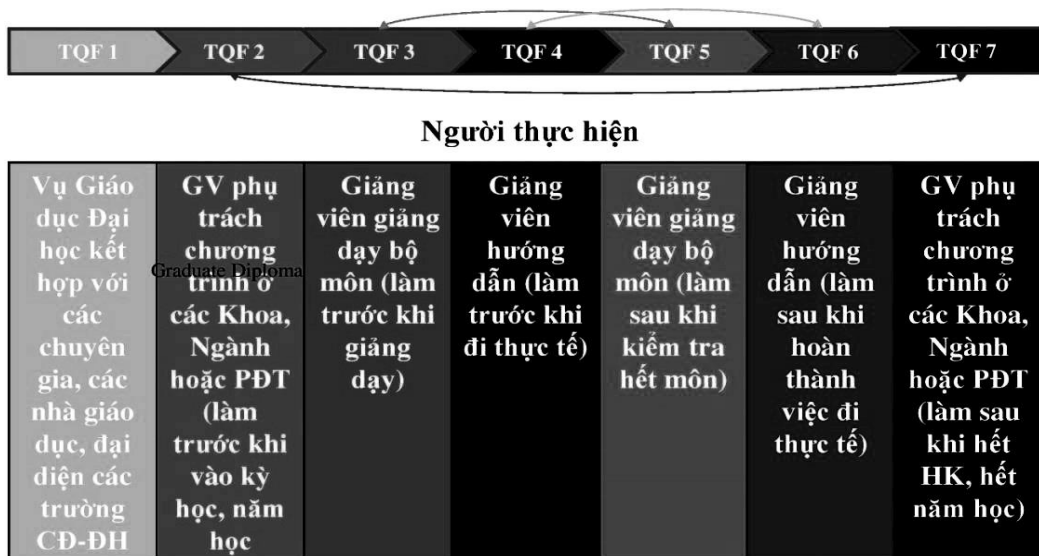
việc dạy học lần trước, ý kiến đề xuất cho việc đổi mới, điều chỉnh môn học).

TQF 6: Báo cáo kết quả thực hiện kinh nghiệm thực địa (nếu có)

Báo cáo kết quả đi thực tế, thực tập của sinh viên về việc đạt được kết quả học tập như kế hoạch đã đề ra hay không, nếu không thực hiện đúng kế hoạch thì cần xác định nguyên nhân và đề xuất các biện pháp điều chỉnh, khắc phục cho kỳ học tiếp theo. Báo cáo những vấn đề về việc quản lý và tạo điều kiện cho công tác thực tế, thực tập. Phân tích kết quả đánh giá môn học của sinh viên và những người đánh giá. Bao gồm các nội dung sau: 1) Thông tin chung 2) Việc thực hiện khác với kế hoạch đề ra 3) Kết quả thực hiện 4) Những vấn đề ảnh hưởng đến việc quản lý 5) Đánh giá việc thực hiện công việc tại thực địa 6) Kế hoạch điều chỉnh.

TQF 7: Báo cáo kết quả thực hiện chương trình

Báo cáo kết quả thực hiện chương trình bởi các cán bộ giảng viên quản lý, xây dựng chương trình như kết quả thống kê sinh viên học trong chương trình; những điều kiện bên trong và bên ngoài ảnh hưởng đến việc thực hiện chương trình; kết luận chung về việc thực hiện chương trình; hiệu quả của việc giảng dạy và kết quả học tập của từng mặt, từng nội dung; so sánh kết quả thực hiện với các quy chuẩn; kết luận kết quả đánh giá chương trình từ ý kiến của người học, người tuyển dụng và những ý kiến đề xuất trong việc xây dựng và phát triển chương trình cũng như phát triển năng lực giảng viên; báo cáo kết quả cho các khoa, ngành để nghiên cứu nhằm điều chỉnh, sửa đổi và phát triển chương trình.



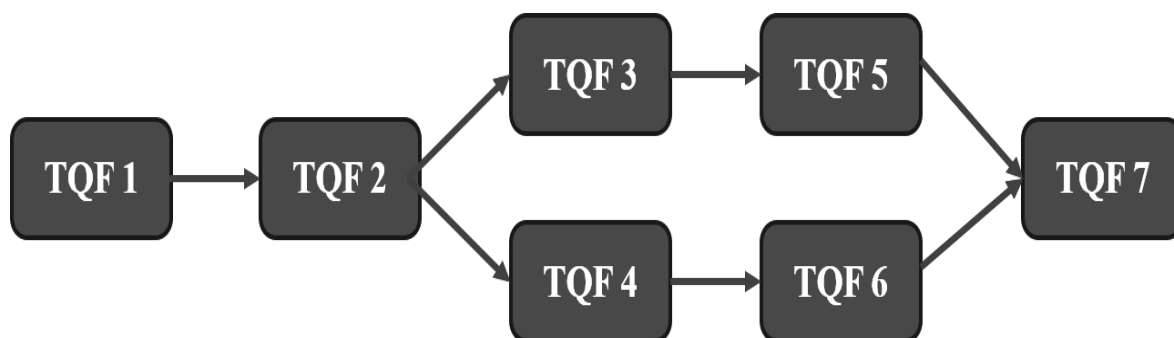
Hình 2: Việc thực hiện các chuẩn trình độ (1 - 7)

Được chia làm 9 nội dung như sau: 1) Thông tin chung (chương trình ngành học, bậc học; giảng viên giảng dạy; năm học, kỳ học; địa điểm học tập); 2) Thông tin thống kê; 3) Những thay đổi ảnh hưởng đến chương trình; 4) Thông tin kết luận tóm tắt cuối môn học của

chương trình; 5) Việc quản lý chương trình; 6) Kết luận tóm tắt việc đánh giá chương trình (so sánh với khung chuẩn); 7) Chất lượng của việc giảng dạy (đánh giá từng môn học, hiệu quả của các phương pháp giảng dạy trên các mặt; dự giờ GV mới; tổ chức các hoạt động đề nâng

cao tay nghề); 8) Ý kiến và đề xuất liên quan đến chất lượng chương trình của người đánh giá; 9) Kế hoạch thực hiện nhằm phát triển chương trình (sự nâng cao chất lượng so với

năm trước; ý kiến góp ý phát triển chương trình; kế hoạch thực hiện mới cho năm học tiếp theo).



Hình 3: Sự liên kết giữa các chuẩn trong khung

2. ĐỀ XUẤT XÂY DỰNG VÀ TRIỂN KHAI KHUNG CHUẨN TRÌNH ĐỘ CỦA BẬC GIÁO DỤC CD-ĐH Ở VIỆT NAM

Việc xây dựng và áp dụng khung chuẩn trình độ quốc gia (VQF) đã được Thủ tướng ra quyết định phê duyệt vào ngày 18 tháng 10 năm 2016. Theo Thứ trưởng GD&ĐT Bùi Văn Ga: “Khung trình độ quốc gia Việt Nam là cơ sở để phát triển các tiêu chuẩn đào tạo, phát triển chương trình và là thước đo đánh giá năng lực của người học sau khi tốt nghiệp. Từ đó nâng cao chất lượng đào tạo, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của đất nước và tăng cường khả năng hội nhập quốc tế trong lĩnh vực đào tạo nhân lực chất lượng cao.” (International College: 2016)

Theo quyết định, khung trình độ quốc gia bao gồm 8 bậc trình độ: Sơ cấp I, Sơ cấp II, Sơ cấp III, Trung cấp, Cao đẳng, Đại học, Thạc sĩ và Tiến sĩ. (Office of the Higher Education Commission: 2016). Mỗi bậc học có yêu cầu về khối lượng học tập (số tín chỉ) tối thiểu và miêu tả khái quát về kiến thức và kỹ năng cần đạt được.

Tuy nhiên, theo nhiều ý kiến, hiện nay các trường CD - ĐH ở Việt Nam vẫn đang gặp nhiều khó khăn, trở ngại khi xây dựng và triển

khai khung chuẩn trình độ ví dụ chưa có thông tư chuẩn đầu ra với nhiều ngành nghề; việc kiểm định chuẩn đầu ra còn khó khăn; các trường đại học tồn tại nhiều hệ thống văn bằng; việc đào tạo liên thông còn nhiều khó khăn... (Sawong Boonpluk và cộng sự: 2015).

Đối với Việt Nam, việc xây dựng và triển khai khung chuẩn trình độ, chuẩn bằng cấp là một việc làm tất yếu. Chương trình dạy học bậc CD - ĐH phải dựa vào và đạt khung chuẩn trình độ thì mới đảm bảo chất lượng cho người học, tạo sự tin tưởng cho người học và những người liên quan, đồng thời tạo cơ hội cho người học được chuyển đổi kết quả học tập với các cơ sở trong và ngoài nước, có điều kiện học lên bậc cao hơn, thực hiện chủ trương học tập suốt đời và là cơ hội để giao lưu, học hỏi và được tham gia tuyển dụng vào các công ty, tổ chức lao động trong và ngoài nước một cách thuận lợi.

Thuận lợi là hiện nay Việt Nam đã có quy định về chuẩn trình độ cho các bậc học, bao gồm quy định về các bậc trình độ với các mục tiêu rõ ràng; số lượng tín chỉ tối thiểu, kiến thức, kỹ năng cần đạt được của mỗi bậc học, và chứng chỉ, văn bằng cho các bậc học. Vấn đề tiếp theo là nghiên cứu xây dựng và triển khai

các yêu cầu chuẩn cho từng ngành học, các mẫu thể hiện nội dung của các chuẩn trình độ cho các ngành học, môn học.

Để sớm có khung chuẩn về trình độ Việt Nam cụ thể cho các ngành một cách thống nhất và áp dụng trong toàn quốc, ngay từ bây giờ cần có sự chung tay của các đơn vị như Vụ Giáo dục Đại học, Tổng cục Dạy nghề, Vụ Việc làm của Bộ LĐ-TBXH; đại diện các trường CĐ-ĐH, các doanh nghiệp, các chuyên gia về giáo dục, các hiệp hội nghề nghiệp và các bên có liên quan.

Có thể chia thành các giai đoạn như sau:

Giai đoạn chuẩn bị:

Nghiên cứu, khảo sát về các vấn đề:

- Đánh giá một cách toàn diện về thực trạng và nhu cầu của giáo dục bậc CĐ-ĐH về các mặt: chương trình bậc học, chất lượng sinh viên, công tác quản lý bậc CĐ-ĐH và xây dựng, phát triển xã hội dựa trên nền tảng tri thức – xã hội học tập.

- Đặc điểm và quá trình đào tạo CĐ-ĐH và nhu cầu của người học, của xã hội trong thời kỳ mới.

- Nghiên cứu tìm hiểu khung chuẩn trình độ của các nước trong khu vực và trên thế giới.

Giai đoạn tiến hành xây dựng khung chuẩn trình độ bậc CĐ-ĐH cho các ngành học:

Thứ nhất. Căn cứ vào quy định chuẩn trình độ quốc gia và kinh nghiệm từ các nước, Bộ Giáo dục và Đào tạo giao cho Vụ Giáo dục Đại học, Tổng cục Dạy nghề, đại diện các trường CĐ-ĐH, kết hợp các doanh nghiệp cùng nhau xây dựng khung chuẩn trình độ quốc gia cụ thể và thiết kế mẫu phiếu các chuẩn trình độ cho các ngành học trong đào tạo CĐ-ĐH. Có thể mời thêm chuyên gia có kinh nghiệm của nước ngoài đến tư vấn, hướng dẫn cách làm.

Thứ hai, Vụ Giáo dục Đại học, Tổng cục Dạy nghề, Vụ Việc làm (Bộ LĐ-TBXH), các chuyên gia giáo dục, đại diện các trường CĐ-ĐH, đại diện các tổ chức, các doanh nghiệp sử dụng nhân lực cùng tổ chức hội thảo, bàn luận góp ý cho bản dự thảo khung chuẩn trình độ các ngành học và các mẫu chuẩn trình độ liên quan.

Thứ ba, chỉnh sửa bản dự thảo, tổ chức họp, góp ý, đánh giá. Tổ chức hội thảo báo cáo kết quả, lấy ý kiến bổ sung.

Thứ tư, lập khung chuẩn trình độ cụ thể và các mẫu phiếu chính thức cho các bậc học, ngành học, trình Hội đồng phê duyệt.

Giai đoạn thực hiện:

Tổ chức tập huấn hoặc có văn bản hướng dẫn và triển khai thực hiện khung chuẩn trình độ và cách điền thông tin vào các mẫu phiếu chuẩn trình độ các ngành học cho các trường CĐ-ĐH trên toàn quốc.

Ngày nay việc hội nhập với khu vực và thế giới, nền kinh tế phẳng, thế giới phẳng thường xuyên được đề cập, đồng thời nhu cầu học tập nâng cao trình độ, nhu cầu học liên thông ở trong nước và nước ngoài, nhu cầu học tập suốt đời và nhu cầu cần nguồn nhân lực có trình độ, nhu cầu về việc làm ngày càng cao. Để đáp ứng được các nhu cầu đó đòi hỏi Nhà nước, các bộ ngành liên quan, đặc biệt là Bộ GD&ĐT cần có khung chuẩn trình độ các bậc học nhằm nâng cao và đảm bảo chất lượng trong giáo dục - đào tạo và là cơ sở để khẳng định chất lượng đầu ra của các ngành học với xã hội. Do vậy, việc xây dựng, triển khai khung chương trình chuẩn trình độ ở bậc CĐ-ĐH là một việc làm tất yếu và cấp thiết hiện nay.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Báo mới. (2016). *Nhiều trở ngại thực hiện Khung trình độ quốc gia*. <<http://www.baomoi.com/nhieu-tro-ngai-thuc-hien-khung-trinh-do-quoc-gia/c/21620044.epi>>, xem 16/4/2017.
2. Báo mới. (2016). *4 trọng tâm thực hiện Khung trình độ quốc gia*. <<http://www.baomoi.com/4-trong-tam-thuc-hien-khung-trinh-do-quoc-gia/c/21623196.epi>>, xem 16/4/2017.
3. Văn phòng chính phủ. (2016). *Quyết định số 1982/QĐ-TTg về việc phê duyệt Khung trình độ quốc gia Việt Nam*, ngày 18 tháng 10 năm 2016. Hà Nội.
4. Anucha Somabut và Wisapart Chaichuoi. (2014). *Thai Qualifications Framework for Higher Education. Faculty of Education, KhonKean University*. Khonkaen, Thailand.
5. International College. (2016). *National Qualifications Framework for Higher Education in Thailand. Implementation Handbook*. Khonkean, Thailand.
6. Office of the Higher Education Commission. (2016). *Thai Qualifications Framework for Higher Education*. <http://www.mua.go.th/users/tqf-hed/news/news8.php#01>. Accessed 2 April 2017.
7. Sawong Boonpluk và cộng sự. (2015). *Đặc điểm cơ bản của sinh viên tốt nghiệp trường Đại học Rajabhat Suandusit bậc học Đại học, Thạc sỹ và Tiến sỹ theo khung chuẩn trình độ Thailand năm học 2012*. Đại học Rajabhat Suandusit, Thailand.

Ngày nhận bài: 26/4/2017. Ngày biên tập xong: 17/5/2017. Duyệt đăng: 25/5/2017